

Số: 93/TB-HVTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023 ĐỢT 01
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ”; Quyết định số 16/QĐ-HVTC ngày 10/01/2022 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Tài chính”; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ dự kiến năm 2023. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2023 đợt 01 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính - Ngân hàng	8.34.02.01	200
2	Kế toán	8.34.03.01	100
3	Quản lý kinh tế	8.34.04.10	100

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng.

3. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển:

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;

3.2. Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại **Phụ lục 01** của Thông báo này.

4. Hình thức và thời gian đào tạo:

4.1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

4.2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng).

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Điều kiện văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện Tài chính;

c) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác (đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành quản lý kinh tế) với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện Tài chính;

d) Văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ứng viên dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại **Phụ lục 02** của Thông báo này.

5.2. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình có số tín chỉ được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài chiếm tối thiểu 75% tổng số tín chỉ;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Tài chính cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục số 03** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Ứng viên dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo qui định hoặc có nhưng đã hết thời hạn, phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Học viện Tài chính tổ chức (nếu có) và phải đạt yêu cầu theo quy định trở lên;

đ) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

5.3. Học bổ sung kiến thức:

Người có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp (nhưng khác nhau từ 10% trở lên tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành ở trình độ đại học), Người có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp từ 5 năm trở lên (tính từ ngày cấp bằng đến ngày hết hạn nộp hồ sơ); người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần; ngành khác (đối với ngành quản lý kinh tế) với ngành đào tạo thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

5.4. Điều kiện thâm niên công tác:

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học (dưới 5 năm) thuộc ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự tuyển sau khi đã tốt nghiệp và được cấp chứng chỉ bổ sung kiến thức ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính.

5.5. Điều kiện về lý lịch:

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.6. Điều kiện về sức khỏe:

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Học viện Tài chính sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu

của ngành đào tạo.

5.7. Điều kiện về hồ sơ:

Thí sinh dự tuyển phải nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điều a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm theo thang điểm 100.

7. Kế hoạch tuyển sinh

7.1. Học bổ sung kiến thức:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 07/02/2023	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký học	Phòng 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học BSKT	Từ ngày 11/02/2023	Thứ bảy, chủ nhật và các tối trong tuần
Thời gian thi các học phần	Từ 08/04/2023 đến 14/04/2023	Tại 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
Thời gian nhận chứng chỉ	Từ 15/04/2023 và 16/04/2023	

7.2. Ôn thi Tiếng Anh:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 07/02/2023	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký ôn thi	Phòng 305 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học ôn thi	Từ ngày 28/02/2023	Các ngày thứ bảy và chủ nhật trong tuần

7.3. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển:

Thời gian phát hành hồ sơ	Từ 15/02/2023 đến 14/04/2023	Tại phòng 305, 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
Thời gian nhận hồ sơ	Từ 27/03/2023 đến 16/04/2023	

7.4. Thời gian và địa điểm xét tuyển:

Thời gian xét tuyển	Dự kiến các ngày 22/04/2023 và 23/04/2023
---------------------	---

Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo - Quận Đống Đa - Hà Nội)
--------------------	---


7.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học

Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 24/04/2023 đến ngày 25/04/2023
Nhập học	Dự kiến từ ngày 28/04/2023 đến ngày 29/04/2023
Khai giảng	Dự kiến từ ngày 06/05/2023 đến ngày 07/05/2023


8. Học phí: Dự kiến 860.000 đồng/01 tín chỉ.


Ghi chú:

- Đối với các thí sinh phải học bổ sung kiến thức:
- + Khi đến đăng ký học bổ sung mang theo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học (bản foto có công chứng) để đối chiếu. Lịch học các học phần bổ sung xem trên Website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn
- + Địa điểm thi các học phần bổ sung kiến thức; nhận chứng chỉ bổ sung kiến thức tại Học viện Tài chính, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội.
- + Nộp hồ sơ vào các ngày **15/04/2023 và 16/04/2023**.
- Mỗi thí sinh chỉ được phép đăng ký dự tuyển vào 01 ngành đào tạo, Học viện Tài chính chỉ nhận hồ sơ dự tuyển theo mẫu do Học viện phát hành tại kỳ thi tuyển sinh năm 2023 đợt 01.
- Học viện Tài chính sẽ thông báo kết quả tuyển sinh trên website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn và niêm yết tại bảng tin Khoa Sau đại học.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: *Giang Thị Thu Hiền – Khoa Sau đại học*, ĐT: 0936.384.599 hoặc xem trên Website của Học viện Tài chính, Website của khoa Sau đại học, Bảng tin Khoa Sau đại học. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ TC (để báo cáo);
- Các Bộ, Ngành, TCTy, UBND các tỉnh;
- Ban GDHV, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Lưu VT, khoa SDH. (6b) 


PGS, TS. Nguyễn Trọng Cơ

PHỤ LỤC 01
THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học		70	70%
	- Loại xuất sắc	70		
	- Loại giỏi	65		
	- Loại khá	60		
	- Loại khác	55		
2	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên		10	10%
	- Có từ 5 bài trở lên	10		
	- Có từ 2 - 4 bài	7		
	- Có 01 bài	3		
3	Tham gia hoặc chủ nhiệm: đề tài nghiên cứu KH hoặc công trình dự thi NCKH sinh viên		10	10%
	- Đề tài KH cấp Nhà nước	10		
	- Đề tài KH cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7		
	- Đề tài KH cấp cơ sở	5		
	- Công trình dự thi NCKH sinh viên đạt giải hoặc giấy khen thành tích NCKH sinh viên cấp trường (hoặc cấp cơ sở) trở lên;	3		
4	Kinh nghiệm công tác (năm)		10	10%
	- Từ 10 năm trở lên	10		
	- Từ 5 - 9 năm	7		
	- Từ 2 - 4 năm	5		
	- Dưới 2 năm	3		
	Tổng		100	100%

PHỤ LỤC SỐ 02

**NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC
VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngành, chuyên ngành	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học
1	Ngành Tài chính – Ngân hàng	
1.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Quản lý tài chính công; Thuế; Tài chính Bảo hiểm; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Hải quan và logistics; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Ngân hàng; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh chứng khoán; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính. - Các chuyên ngành thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng của các cơ sở đào tạo khác;
1.2	Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, nhóm ngành Quản trị - Quản lý) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.
2	Ngành Kế toán	
2.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kế toán công. - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các cơ sở đào tạo khác.
2.2	Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, nhóm ngành Quản trị - Quản lý) của các trường đại học khác. - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác.

		- Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.
3	Ngành Quản lý kinh tế	
3.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	Các ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính và các cơ sở đào tạo khác: Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quản lý tài chính công.
3.2	Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Tài chính Bảo hiểm; Thuế; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Hải quan và logistics; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Ngân hàng; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh chứng khoán; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính. - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm của các cơ sở đào tạo khác; - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành: Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.
3.3	Chuyên ngành khác	Ngoài các ngành và chuyên ngành đã nêu ở trên

PHỤ LỤC 03

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO
VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 01 NĂM 2023
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”; Quyết định số 809/QĐ-HVTC ngày 06/9/2021 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Tài chính”; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ dự kiến năm 2023. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 01 năm 2023 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính – Ngân hàng	9.34.02.01	30
2	Kế toán	9.34.03.01	20

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng, thuộc 01 trong những đối tượng sau:

- Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.
- Tốt nghiệp trình độ thạc sĩ thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

3. Thời gian và hình thức đào tạo:

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người tốt nghiệp trình độ đại học được thực hiện trong 04 năm (48 tháng). Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài nhưng tối đa là 06 năm (72 tháng)
- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ được thực hiện trong 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài nhưng tối đa là 06 năm (72 tháng).
- Hình thức đào tạo: Chính qui.

4. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Về văn bằng:

- Đối với người chưa tốt nghiệp trình độ thạc sĩ: khi dự tuyển phải có giấy chứng nhận hoặc bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên; ngành tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.
- Đối với người đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ: khi dự tuyển phải có giấy chứng nhận hoặc bằng tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

5.2. Về đề cương nghiên cứu:

Nội dung đề cương phải trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng lĩnh vực nghiên cứu; ngành và mã

số ngành đào tạo; lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu; mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; lý do chọn cơ sở đào tạo; kết cấu và đề cương sơ bộ của đề tài; dự kiến đóng góp mới của đề tài nghiên cứu; khái quát những chuẩn bị của thí sinh để thực hiện dự định nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trong chương trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học.

5.3. Về thư giới thiệu:

Có ít nhất một thư giới thiệu của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (ít nhất 06 tháng) và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

5.4. Về bài báo khoa học:

Là tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành kinh tế có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5.5. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 04 của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
- d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5.6. Về kinh nghiệm nghiên cứu và thâm niên công tác:

a) Đối với người chưa tốt nghiệp trình độ thạc sĩ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên được tham gia dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;
- Trường hợp thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (cơ sở đào tạo nước ngoài phải trong Top 500 trường Đại học tốt nhất trên thế giới, do tổ chức Times Higher Education của Vương Quốc Anh xếp hạng hàng năm) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Đối với người đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ:

- Có điểm bình quân các học phần từ 7,0 trở lên được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;
- Có điểm bình quân các học phần dưới 7,0 phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự tuyển, kể từ khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính từ ngày ký quyết định công

nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trường hợp thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (cơ sở đào tạo nước ngoài phải trong Top 500 trường Đại học tốt nhất trên thế giới, do tổ chức Times Higher Education của Vương Quốc Anh xếp hạng hàng năm) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

c) Đối với giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ phải có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên.

5.7. Công văn cử đi dự tuyển:

Thí sinh đăng ký dự tuyển phải có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

5.8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính:

Thí sinh trúng tuyển phải cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Hồ sơ dự tuyển:

6.1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a) Đơn xin dự tuyển.
- b) Lý lịch khoa học.
- c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).
- d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học.
- đ) Đề cương nghiên cứu theo mẫu của Học viện Tài chính.
- e) Thư giới thiệu của các nhà khoa học.
- g) Công văn cử đi dự tuyển.
- h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Học viện Tài chính.

6.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

7. Kế hoạch tuyển sinh:

7.1. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi thí sinh đăng ký xét tuyển phải nộp 02 bộ hồ sơ theo qui định, hồ sơ được phát hành tại khoa Sau đại học – Học viện Tài chính (phòng 305), 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội (địa chỉ cũ 53E Phan Phù Tiên, Đống Đa, Hà Nội). Khoa sau đại học chỉ nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển theo mẫu do Học viện Tài chính phát hành tại kỳ xét tuyển đợt 01 năm 2023.

Thời gian phát hành hồ sơ	Từ 18/02/2023 đến 16/4/2023	Tại khoa Sau đại học
Thời gian nhận hồ sơ	Từ 26/03/2023 đến 16/4/2023	Học viện Tài chính (phòng 305)

7.2. Thời gian và địa điểm xét tuyển

Thời gian xét tuyển	Dự kiến các ngày 22/04/2023 và 23/04/2023
Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo - Quận Đống Đa - Hà Nội)

7.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học

Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 24/04/2023 đến ngày 25/04/2023
---------------------------	--

Nhập học	Dự kiến từ ngày 28/04/2023 đến ngày 29/04/2023
Khai giảng	Dự kiến từ ngày 06/05/2023 đến ngày 07/05/2023

8. Học phí: Dự kiến 1.500.000 đồng/01 tín chỉ.


Ghi chú:

- Chuyên ngành, ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 của Thông báo này.
- Danh mục hướng nghiên cứu thuộc các ngành đào tạo tiến sĩ xem tại Phụ lục 02 của Thông báo này.
- Danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 03 của Thông báo này.
- Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài xem tại Phụ lục 04 của Thông báo này.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: *Chu Tuấn Anh – Khoa Sau đại học, ĐT: 0973.702.468* hoặc xem trên Website: www.hvtc.edu.vn; www.sdh-aof.edu.vn, bảng tin Khoa Sau đại học – Học viện Tài chính, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội. *W*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ TC (để báo cáo);
- Các Bộ, Ngành, Tập đoàn, TCTy;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Ban GD, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Lưu VT, khoa SDH. (06b) *W*



PGS, TS. Nguyễn Trọng Cơ

PHỤ LỤC 01
NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP VỚI NGÀNH
ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp trình độ thạc sĩ
1	Tài chính – Ngân hàng		
1.1	Ngành, chuyên ngành đúng	Ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.	Ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.
1.2	Ngành, chuyên ngành phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Kế toán, Kiểm toán, Bảo hiểm của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác. - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế các ngành (công nghiệp, nông nghiệp...). - Các ngành Hậu cần quân sự về tài chính; Hậu cần công an nhân dân về tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, ngành Bảo hiểm, ngành Tài chính và Thương mại quốc tế, ngành Tài chính và Đầu tư, ngành Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác. - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế các ngành (công nghiệp, nông nghiệp...). - Ngành Hậu cần quân sự về tài chính; ngành Hậu cần công an nhân dân về tài chính
2.	Kế toán		
2.1	Ngành, chuyên ngành đúng	Ngành Kế toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác	Chuyên ngành Kế toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.
2.2	Ngành, chuyên ngành phù hợp	- Ngành Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kiểm toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, học viện khác.	- Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Bảo hiểm, ngành Tài chính và Thương mại quốc tế, ngành Tài chính và Đầu tư, ngành

		<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành: Hậu cần quân sự về tài chính; Hậu cần công an nhân dân về tài chính. 	<p>Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Ngành Hậu cần quân sự về tài chính; ngành Hậu cần công an nhân dân về tài chính
--	--	--	---

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU THEO NGÀNH

I. NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

TT	DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU
1	<p>Tài chính – Ngân sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hoặc ngân sách địa phương; Quản lý ngân sách hoặc quản lý chi ngân sách, quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước, quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của một cấp ngân sách nhà nước hoặc một địa phương; Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả hoạt động; Quản lý đầu tư công; Hợp tác công tư (PPP); Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công. - Cơ cấu thu, cơ cấu chi ngân sách nhà nước hoặc ngân sách ở một địa phương; Bội chi ngân sách nhà nước hoặc bội chi ngân sách địa phương; Tín dụng nhà nước; Quản lý nợ công. - Tài chính công với an sinh xã hội (hỗ trợ thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...); Tài chính công với bảo vệ môi trường; Tài chính công với giảm nghèo; Tài chính công với biến đổi khí hậu; Tài chính công với phát triển một ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội ở một vùng, địa phương. - Quản lý tài chính đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc một lĩnh vực; Quản trị tài chính ở cơ quan nhà nước hoặc ở đơn vị sự nghiệp công thuộc một lĩnh vực; Xã hội hóa dịch vụ công và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công. - Quản lý tài chính một chương trình mục tiêu quốc gia hoặc một chương trình mục tiêu. - Quản lý quỹ ngoài ngân sách (BHXH, BHYT...) hoặc quản lý tài chính BHXH, BHYT, BHTN... - Tài chính công với phát triển các khu công nghiệp, cụm khu công nghiệp... - Quản lý tài sản công ở một ngành, lĩnh vực hoặc ở một địa phương. - Kế hoạch tài chính ngân sách trung hạn; Kế hoạch đầu tư công trung hạn; Theo dõi và đánh giá trong quản lý tài chính công. - Kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua KBNN; Quản lý ngân quỹ nhà nước; Các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tài chính công.
2	<p>Thuế:</p> <p>Chính sách thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; Cân bằng chức năng thu NSNN và điều tiết kinh tế vĩ mô của thuế trong điều kiện hiện nay; Hoàn thiện hệ thống thuế nhằm thực hiện chiến lược Tài chính Việt Nam; Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất và quyền sử dụng đất ở Việt Nam; Hoàn thiện chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam; Chính sách thuế đối với phát triển khoa học công nghệ; Trốn thuế, tránh thuế trong nền kinh tế toàn cầu ở Việt Nam; Chống chuyển giá; Hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam; Tác động của các chính sách thuế tới phát triển kinh tế và định hướng đổi mới; Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp; Quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Cải cách hành chính thuế nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; Hiện đại hóa quản lý thuế; Thanh tra kiểm tra thuế; Cải tiến</p>

	<p>tổ chức bộ máy ngành thuế, hải quan nhằm tăng cường quản lý thuế; Nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế; Phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam; Hoàn thiện cơ chế và quy trình quản lý thuế ở Việt Nam; Giải pháp thuế thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam Mở rộng cơ sở thuế ở Việt Nam; Sử dụng chính sách thuế thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế ở Việt Nam; Sử dụng chính sách thuế thúc đẩy phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam; Chính sách thuế thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam.</p>
3	<p>Nghiệp vụ Hải quan:</p> <p>Đánh giá hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam hiện nay; Quản lý Nhà nước về hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất ở Việt Nam hiện nay; Quản lý Nhà nước về hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam; Tăng cường cơ chế phối hợp trong quản lý Nhà nước về hải quan ở Việt Nam hiện nay; Giải pháp nâng cao năng lực kiểm tra hải quan của Hải quan Việt Nam; Giải pháp chống chuyển giá qua hàng nhập khẩu đầu tư; Giải pháp tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hải quan; Giải pháp tăng cường thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia; Giải pháp tăng cường quản lý tuân thủ doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong kiểm tra hải quan; Tăng cường kiểm soát biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam; Giải pháp tăng cường tính liêm chính của Hải quan Việt nam; Áp dụng C/O ưu đãi ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp; Giải pháp phân loại, áp mã hàng hóa nhập khẩu chính xác, thống nhất; Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam; Xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay; Phát triển dịch vụ Logistic và chuỗi cung ứng ở Việt Nam; Phát triển dịch vụ giao nhận và vận tải quốc tế ở Việt Nam; Tác động của quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với hoạt động XK của ngành dệt may VN (đối với ngành giày da VN); Đánh giá tác động của chính sách thuế tới hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam; Tác động của rào cản phi thuế quan tới hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan;</p>
4	<p>Tài chính quốc tế:</p> <p>Tăng cường khai thác, huy động vốn vay nước ngoài (phát hành trái phiếu quốc tế, ODA..); Nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương, lĩnh vực, khu kinh tế.; Quản lý sử dụng vốn FDI các địa phương, lĩnh vực, khu kinh tế.; Quản lý sử dụng vốn vay nước ngoài (cho vay lại, đẩy nhanh tiến độ giải ngân..); Thuế quốc tế (thuế trùng ..); Tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá; Vốn đầu tư nước ngoài cho lĩnh vực vui chơi có thưởng; Mô hình đầu tư cho Cơ sở hạ tầng; Nguồn vốn đầu tư cho đặc khu kinh tế; Quản lý rủi ro đối với lĩnh vực tiếp nhận vốn FDI;</p>
5	<p>Tài chính doanh nghiệp:</p> <p>Giải pháp tài chính nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành X (may mặc, rượu bia nước giải khát, ..); Giải pháp tài chính phát triển bền vững các doanh nghiệp ngành X (...); Giải pháp xử lý nợ xấu trong các doanh nghiệp niêm yết ngành X (...); Hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; Quản trị dòng tiền tại Tập đoàn kinh tế X; Sử dụng công cụ tài chính phái sinh trong phòng ngừa rủi ro của doanh</p>

	<p>ngành; Tác động của chính sách cổ tức tới giá cổ phiếu của các công ty cổ phần niêm yết trên TTCK Việt Nam.; Giải pháp đảm bảo an ninh tài chính trong các doanh nghiệp ngành xây dựng Việt Nam; Vấn đề minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán ở VN; Giải pháp tăng cường quản lý công nợ tại Tập đoàn kinh tế X; Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tài chính tại Tập đoàn kinh tế X.</p> <p>Quản trị tài chính của doanh nghiệp/ ngành/ Tập đoàn X trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; Huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi trong các DN ngành X; Kế hoạch tài chính trong các DN ngành X; Giá trị DN và vấn đề xác định giá trị DN (trong CPH, trong thoái vốn...); Ứng dụng fintech nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngành X; Vấn đề tài chính trong hoạt động M&A của doanh nghiệp ngành X; Huy động vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp/trái phiếu xanh/cổ phiếu xanh đáp ứng nhu cầu đầu tư tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp ngành X; Cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần ngành X ; Cấu trúc tài chính của các công ty cổ phần ngành X; Quản trị rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả hoạt động của các công ty cổ phần niêm yết ngành X; Tác động của việc sử dụng đòn bẩy tài chính đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa chính sách tài chính với sự tăng trưởng của doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa sử dụng đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành X; Cấu trúc sở hữu và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngành X; Cơ cấu nguồn vốn và giá trị doanh nghiệp ngành X; Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị các khoản phải thu của các DN thuộc nhóm ngành X; Ảnh hưởng của các quyết định tài chính đến giá trị doanh nghiệp ngành X; Mua bán, sáp nhập hợp nhất; Chính sách cổ tức và biến động giá cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc ngành X; Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của các doanh nghiệp thuộc ngành X; Tái cấu trúc tài chính và hoạt động M&A của doanh nghiệp thu tóm; Ứng dụng mô hình hồi quy ngưỡng trong nghiên cứu tác động của nợ vay đến giá trị doanh nghiệp ngành X...</p>
6	<p>Ngân hàng:</p> <p>Nợ xấu của, Nợ quá hạn các NHTM – Những vấn đề đặt ra; Hoạt động ngân hàng với thị trường bất động sản; Phát triển các công cụ phái sinh trong phòng chống rủi ro của các NHTM; Đổi mới quản trị ngân hàng theo thông lệ quốc tế - Vận dụng các chuẩn mực theo Basel 1, Basel 2, Basel 3; Xu hướng tái cấu trúc hệ thống NH ở Việt Nam; Xu hướng phát triển các dịch vụ ngân hàng trong điều kiện tự do hóa tiền tệ theo lộ trình vận dụng thông lệ của WTO; Vấn đề sở hữu chéo trong quá trình tái cấu trúc hệ thống NH ở Việt Nam.</p>
7	<p>Định giá TS và kinh doanh BĐS:</p> <p>Quản lý nhà nước về thị trường bất động sản; Quản lý nhà nước về giá, BĐS, định giá doanh nghiệp; Định giá doanh nghiệp, thương hiệu, tài sản vô hình; Quản lý nhà nước về giá; Tiêu chuẩn thẩm định giá; Định giá doanh nghiệp, thương hiệu, tài sản vô hình;</p>
8	<p>Phân tích tài chính:</p> <p>- Vận dụng phương pháp phân tích định lượng vào phân tích tài chính tại các (doanh nghiệp;, đơn vị... ngành... địa phương... sở hữu...).Phân tích tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị...(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị...(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích rủi ro</p>

	<p>tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị....(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích hiệu quả, tăng trưởng của các (doanh nghiệp, đơn vị)(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích hiệu quả kinh doanh của các (doanh nghiệp, đơn vị)(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính phát triển khoa học, công nghệ ngành, địa bàn....ở Việt Nam. Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực y tế ở Việt Nam. Phân tích hiệu quả huy động vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ/ đường thủy/hàng không trên địa bàn tỉnh / khu vực... Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (mầm non, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, dạy nghề, đại học theo mô hình (công lập/ dân lập) trên địa bàn tỉnh/ khu vực....Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển văn hóa/ thể thao theo mô hình (công lập/ dân lập) trên địa bàn tỉnh/ khu vực....Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh/ khu vực. Phân tích hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách xã, phường trên địa bàn tỉnh/ khu vực....Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả (tăng trưởng, phát triển bền vững) của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp (theo quy mô, theo ngành, theo địa bàn, thành phần kinh tế...). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát thu, chi Ngân sách nhà nước tại địa bàn X..Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến giám sát tài chính tại các đơn vị sử dụng vốn nhà nước (ngành, địa phương)</p>
9	<p>Kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính:</p> <p>Tăng cường năng lực hoạt động kiểm tra, giám sát thị trường chứng khoán Việt Nam; Phát triển dịch vụ tín dụng chứng khoán ở Việt Nam; Phát triển dịch vụ chứng khoán mới ở Việt Nam; Tăng cường năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán Việt Nam; Xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán phái sinh ở Việt Nam; Ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam; Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, giám sát thị trường tài chính Việt Nam; Phát triển các định chế đầu tư tài chính trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam; Nâng cao hiệu quả hoạt động thị trường tài chính Việt Nam.</p>

II. NGÀNH: KẾ TOÁN

TT	DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU
1	<p>Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu về lý luận: Mô hình kế toán, các nguyên tắc kế toán, các vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức kế toán các phần hành, tổ chức lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất... - Các nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp lý về kế toán như: Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nói chung và chế độ kế toán cho các loại hình doanh nghiệp đặc thù... - Các nghiên cứu ứng dụng: hoàn thiện các vấn đề về tổ chức công tác kế toán; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; kế toán các phần hành; tổ chức kế toán các phần hành; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, lập các báo cáo (báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị) hoặc các bộ phận của báo cáo; ...cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, hoạt động trên các địa bàn khác nhau, tính chất sở hữu khác nhau...

	<ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu về việc sử dụng công cụ kế toán để phục vụ các mục đích: nâng cao hiệu quả hoạt động hiệu quả kinh doanh, công các quản trị doanh nghiệp, phục vụ các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ thuế, phục vụ công tác kiểm toán....trong các doanh nghiệp hoặc cho các cơ quan quản lý chức năng. - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán; trong kế toán; - Nghiên cứu ứng dụng các mô hình nghiên cứu theo phương pháp định lượng trong kế toán tài chính và kế toán quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động hiệu quả kinh doanh, công các quản trị doanh nghiệp, phục vụ các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ thuế, phục vụ công tác kiểm toán.... trong các doanh nghiệp hoặc cho các cơ quan quản lý chức năng. - Nghiên cứu các kế toán như kế toán trách nhiệm, kế toán trách nhiệm xã hội; kế toán môi trường, kế toán xanh, kế toán nguồn nhân lực, kế toán quản trị chiến lược...
2	<p>Kiểm toán:</p> <p>* Kiểm toán hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay:</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp, tổ chức kiểm toán hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 (cho từng ngành nghề, từng lĩnh vực hoạt động, ở phạm vi vĩ mô, Phạm vi vi mô); Kiểm toán viên hoạt động và qui trình đào tạo kiểm toán viên hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay; Kiểm soát chất lượng kiểm toán hoạt động, xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán hoạt động; Kiểm toán hoạt động Việt nam trong điều kiện hội nhập, cơ hội, thử thách và giải pháp phát triển kiểm toán hoạt động tại Việt nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay; đặc biệt là các lĩnh vực kiểm toán môi trường, kiểm toán liên kết, đánh giá sự hoạt động ổn định và bền vững của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>* Kiểm toán tuân thủ, nội dung, qui trình và phương pháp kiểm toán. Giải pháp triển khai thực hiện và phát triển kiểm toán tuân thủ ở Việt nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.</p> <p>* Kiểm toán báo cáo tài chính:</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính cho từng loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh.... Trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0; Hoàn thiện qui trình kiểm soát chất lượng hoặc qui trình nghiên cứu đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán báo cáo tài chính cho từng ngành nghề công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản, ...; Tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính; Quy trình lập, phát hành và công bố báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>* Kiểm toán Nhà nước</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập, dự án, XD CB....; Kiểm soát chất lượng kiểm toán Nhà nước; Qui trình lập, phát hành và công bố báo cáo của kiểm toán Nhà nước trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0. Chuẩn mực kiểm toán Nhà nước trong mối quan hệ với chuẩn mực kiểm toán lĩnh vực doanh nghiệp ở Việt nam – Thực trạng và giải pháp; Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán</p>

	<p>viên Nhà nước trong mối quan hệ với đạo đức viên chức Nhà nước,</p> <p>* Kiểm toán nội bộ</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán nội bộ; Tổ chức kiểm toán nội bộ ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 đặc biệt theo tinh thần nghị định 105 ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về kiểm toán nội bộ; Kiểm soát chất lượng kiểm toán nội bộ; Qui trình nghiên cứu, đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát trong kiểm toán nội bộ; Khuôn khổ pháp lý về kiểm toán nội bộ ở Việt nam – Thực trạng và giải pháp; Lập, phát hành và công bố báo cáo kiểm toán nội bộ trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.</p> <p>* Kiểm toán độc lập</p> <p>Khuôn khổ pháp lý về kiểm toán độc lập; Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức kiểm toán độc lập Việt nam; Hoàn thiện cơ chế kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập Việt nam; Hoàn thiện qui trình đánh giá trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức kiểm toán độc lập; Hoàn thiện qui trình nghiên cứu đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức kiểm toán độc lập cho lĩnh vực giao thông, xây dựng cơ bản, khai thác,....</p>
3	<p>Phân tích tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện nội dung phân tích tài chính của các doanh nghiệp (Theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn hoạt động...) - Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp sản xuất (Theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn hoạt động..) - Hoàn thiện hệ thống dữ liệu tài chính phục vụ phân tích tài chính (khu vực công, khu vực tư...) ở Việt Nam - Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích trong doanh nghiệp (Theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, địa bàn hoạt động...) phục vụ quản trị doanh nghiệp - Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích tài chính trong các Tập đoàn kinh tế (theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh..) - Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính trong các (doanh nghiệp, đơn vị...) phục vụ quản trị tài chính (doanh nghiệp, đơn vị...) - Hoàn thiện tổ chức phân tích tài chính tại các (doanh nghiệp, đơn vị....) - Hoàn thiện phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các (doanh nghiệp, đơn vị...) - Hoàn thiện phân tích chất lượng hoạt động tại các (đơn vị, doanh nghiệp, NHTM...) trên địa bàn tỉnh - Hoàn thiện phân tích tài chính trong các (doanh nghiệp, đơn vị...) phục vụ giám sát tài chính, thanh tra, kiểm tra tài chính, thuế, xếp hạng tín dụng..... ở Việt Nam

PHỤ LỤC 03

**DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH THEO NGÀNH**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh và trình độ giảng viên (trường hợp vừa là GS hoặc PGS và TSKH hoặc TS chỉ đánh dấu vào 1 cột chức danh GS hoặc PGS)				Chuyên môn được đào tạo
			GS	PGS	TSKH	TS	
I	Tên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng						Mã số: 9.34.02.01
1,1	Lưu Hữu Đức	24/09/1986				x	Tài chính ngân hàng
1,2	Nguyễn Xuân Thạch	04/01/1963		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,3	Ngô Thanh Hoàng	01/08/1974		x			Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
1,4	Nguyễn Thị Thúy Nga	04/04/1978				x	Tài chính ngân hàng
1,5	Phạm Văn Nghĩa	22/06/1974				x	Tài chính ngân hàng
1,6	Nguyễn Lê Cường	07/09/1978		x			Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
1,7	Nguyễn Trọng Thân	02/12/1966		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,8	Nguyễn Thế Anh	09/02/1989				x	Tài chính ngân hàng
1,9	Trần Xuân Hải	14/12/1957		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1.10	Chu Văn Tuấn	02/03/1961				x	Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,11	Đinh Văn Hải	01/04/1959		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,12	Nguyễn Văn Dân	20/03/1962		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,13	Nguyễn Tiến Đức	22/10/1991				x	Tài chính ngân hàng
1,14	Nguyễn Đình Hoàn	16/10/1989				x	Tài chính ngân hàng

1,15	Nguyễn Thị Việt Nga	16/05/1980		x			Tài chính ngân hàng
1,16	Hồ Thị Hoài Thu	15/04/1979				x	Tài chính ngân hàng
1,17	Nguyễn Thị Tuyết	20/09/1988				x	Tài chính ngân hàng
1,18	Hoàng Mạnh Cừ	10/12/1968		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,19	Nguyễn Thị Thu Hà	12/10/1974				x	Tài chính ngân hàng
1,20	Trịnh Hữu Hạnh	11/11/1973				x	Tài chính ngân hàng
1,21	Nguyễn Ánh Nguyệt	23/08/1983				x	Tài chính ngân hàng
1,22	Đoàn Minh Phụng	19/10/1964		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,23	Hoàng Thị Bích Hà	20/02/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,24	Hoàng Văn Quỳnh	17/12/1956		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,25	Cao Minh Tiến	10/07/1986				x	Tài chính ngân hàng
1,26	Nghiêm Văn Bảy	11/09/1963				x	Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,27	Nguyễn Thị Thủy Dung	03/08/1988				x	Tài chính
1,28	Nguyễn Thu Hà	13/09/1990				x	Tài chính ngân hàng
1,29	Lã Thị Lâm	15/03/1970				x	Tài chính ngân hàng
1,30	Trần Thị Lan	26/11/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,31	Nguyễn Thủy Linh	01/11/1989				x	Tài chính ngân hàng
1,32	Hà Minh Sơn	05/09/1973		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,33	Trần Thị Việt Thạch	29/05/1977				x	Tài chính ngân hàng
1,34	Ngô Đức Tiến	05/05/1986				x	Tài chính ngân hàng
1,35	Nguyễn Thu Giang	03/12/1978				x	Tài chính ngân hàng
1,36	Tạ Đình Hòa	11/08/1990				x	Tài chính ngân hàng
1,37	Nguyễn Thị Thu Hương	02/08/1968				x	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
1,38	Nguyễn Xuân Điền	24/01/1974				x	Tài chính ngân hàng
1,39	Võ Thị Vân Khánh	08/09/1979				x	Tài chính ngân hàng
1,40	Phạm Thu Huyền	17/11/1984				x	Tài chính ngân hàng

1,41	Vô Thị Phương Lan	20/03/1976				x	Tài chính ngân hàng
1,42	Vũ Sỹ Cường	27/10/1974		x			Kinh tế Tài chính
1,43	Hoàng Trung Đức	15/08/1990				x	Tài chính ngân hàng
1,44	Nguyễn Anh Quang	06/12/1988				x	Tài chính
1,45	Phùng Thu Hà	23/06/1991				x	Tài chính ngân hàng
1,46	Bùi Tiến Hanh	31/10/1966				x	Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,47	Hoàng Thị Thuý Nguyệt	17/04/1963		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,48	Phạm Thị Hoàng Phương	20/12/1977				x	Tài chính ngân hàng
1,49	Phạm Ngọc Dũng	03/06/1961		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,50	Vũ Quốc Dũng	19/04/1977				x	Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,51	Nguyễn Thanh Giang	10/09/1979				x	Tài chính ngân hàng
1,52	Lê Thu Huyền	24/09/1965				x	Tài chính lưu thông tiền tệ
1,53	Nguyễn Thuý Linh	02/09/1977				x	Tài chính ngân hàng
1,54	Phùng Thanh Loan	11/11/1988				x	Tài chính ngân hàng
1,55	Đỗ Đình Thu	13/08/1965				x	Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,56	Lê Thị Thuý	23/12/1986				x	Tài chính ngân hàng
1,57	Nguyễn Hồ Phi Hà	18/03/1977				x	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
1,58	Trần Thị Thanh Hà	29/12/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,60	Lâm Thị Thanh Huyền	03/07/1989				x	Tài chính ngân hàng
1,61	Vương Minh Phương	05/12/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,62	Bạch Thị Thu Hường	21/05/1990				x	Tài chính ngân hàng
1,63	Đào Hồng Nhung	05/07/1987				x	Tài chính và Kinh tế học
1,64	Trần Đức Trung	14/08/1981				x	Tài chính ngân hàng
1,65	Hồ Quỳnh Anh	19/02/1988				x	Tài chính ngân hàng

1,66	Phạm Thị Vân Anh	27/07/1977				x	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
1,67	Nguyễn Trường Giang	27/04/1989				x	Kinh tế tài chính và marketing
1,68	Bạch Thị Thanh Hà	18/02/1984				x	Tài chính ngân hàng
1,69	Nguyễn Thị Hà	02/01/1977		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,70	Nguyễn Thu Hà	04/04/1989				x	Tài chính ngân hàng
1,71	Nguyễn Thị Bảo Hiền	13/10/1986				x	Tài chính ngân hàng
1,72	Ngô Thị Kim Hoà	09/10/1987				x	Tài chính ngân hàng
1,73	Phạm Thị Thanh Hoà	22/07/1980		x			Tài chính ngân hàng
1,74	Bùi Thị Hà Linh	23/10/1985				x	Tài chính ngân hàng
1,75	Đặng Phương Mai	27/11/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,76	Vũ Văn Ninh	19/07/1976		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,77	Đoàn Hương Quỳnh	08/07/1975		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,78	Bùi Văn Vần	14/02/1960		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,79	Vũ Việt Ninh	24/12/1984				x	Tài chính ngân hàng
1,80	Cao Phương Thảo	11/11/1988				x	Tài chính ngân hàng
1,81	Đào Duy Thuần	18/09/1988				x	Tài chính ngân hàng
1,82	Lê Thị Mai Anh	02/10/1988				x	Tài chính ngân hàng
1,83	Hà Thị Liên	27/04/1987				x	Tài chính ngân hàng
1,84	Vũ Duy Vĩnh	28/09/1969		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,85	Lê Thanh Hà	24/04/1975				x	Tài chính ngân hàng
1,86	Đinh Trọng Thịnh	20/06/1957		x			Tài chính tín dụng
1,87	Thái Bùi Hải An	18/02/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,88	Nguyễn Thị Minh Hoà	10/02/1979				x	Tài chính ngân hàng
1,89	Phạm Thị Bích Ngọc	08/01/1980				x	Tài chính ngân hàng
1,90	Nguyễn Thị Kim Oanh	12/06/1977				x	Tài chính ngân hàng

1,91	Nguyễn Hoàng Tuấn	02/02/1979				x	Tài chính ngân hàng
1,92	Phạm Nữ Mai Anh	27/11/1987				x	Tài chính ngân hàng
1,93	Nguyễn Đình Chiến	06/01/1974				x	Tài chính ngân hàng
1,94	Lý Phương Duyên	25/10/1974		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,95	Nguyễn Thị Minh Hằng	24/05/1970				x	Tài chính ngân hàng
1,96	Tôn Thu Hiền	16/08/1970				x	Tài chính ngân hàng
1,97	Vương Thị Thu Hiền	28/09/1972		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1,98	Nguyễn Thị Thanh Hoài	16/11/1967		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
1.10 0	Lê Xuân Trường	14/07/1968		x			Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
Tổng số giảng viên cơ hữu của ngành			0	23	0	68	
2	Tên ngành đào tạo: Kế toán Mã số: 9.34.03.01						
2,1	Nguyễn Trọng Cơ	23/06/1963		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,2	Trương Thị Thuỷ	14/10/1968		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,3	Nguyễn Đào Tùng	29/05/1975				x	Kế toán
2,4	Nguyễn Vũ Việt	20/08/1962		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,5	Chúc Anh Tú	16/11/1976	x				Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,7	Nguyễn Phi Hùng	18/05/1980				x	Kế toán
2,8	Nguyễn Mạnh Thiều	12/08/1970		x			Kế toán
2,9	Nguyễn Bá Minh	24/04/1962		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2.10	Phạm Thị Kim Vân	15/03/1962		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế

2,11	Mai Ngọc Anh	11/06/1977		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,12	Nguyễn Tuấn Anh	13/03/1980				x	Kế toán
2,13	Thái Bá Công	09/11/1962				x	Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,14	Trần Thị Ngọc Hân	24/09/1977				x	Kế toán
2,15	Nguyễn Thu Hiền	10/12/1982				x	Kế toán
2,16	Trần Văn Hoi	08/01/1960		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,17	Ngô Văn Lượng	09/10/1991				x	Kế toán
2,18	Nguyễn Thị Ngọc Thạch	10/08/1975				x	Kế toán
2,19	Nguyễn Minh Thành	02/11/1985				x	Kế toán
2,20	Nguyễn Đình Đỗ	24/06/1955	x				Kế toán
2,21	Bùi Thị Hằng	04/11/1977				x	Kế toán
2,22	Nguyễn Thu Hoài	31/01/1976				x	Kế toán
2,23	Ngô Thị Thu Hồng	12/06/1976		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,24	Bùi Thị Thu Hương	01/10/1974				x	Kế toán
2,25	Đỗ Thị Lan Hương	18/11/1979				x	Kế toán
2,26	Lê Thị Hương	21/12/1986				x	Kế toán
2,27	Lê Thị Diệu Linh	06/07/1977				x	Kế toán
2,28	Nguyễn Thị Nga	19/04/1984				x	Kế toán
2,29	Đỗ Minh Thoa	19/09/1977				x	Kế toán
2,30	Nguyễn Thị Hồng Vân	07/12/1979				x	Kế toán
2,31	Lý Lan Yên	17/02/1970				x	Kế toán
2,32	Phí Thị Kiều Anh	15/04/1982				x	Kế toán
2,33	Đinh Thị Thu Hà	27/01/1988				x	Kế toán
2,34	Phạm Tiến Hưng	14/09/1975		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động

							kinh tế
2,35	Đặng Thị Hương	28/09/1983				x	Kế toán
2,36	Vũ Thị Phương Liên	03/12/1982				x	Kế toán
2,37	Vũ Thuý Linh	19/10/1980				x	Kế toán
2,38	Nguyễn Thị Thanh Phương	31/08/1988				x	Kế toán
2,39	Đỗ Thị Thoa	05/12/1980				x	Kế toán
2.40	Ngô Như Vinh	26/10/1988				x	Kế toán
2,41	Thịnh Văn Vinh	20/06/1963		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,42	Nguy Thu Hiền	26/09/1980				x	Kế toán
2,43	Nguyễn Thanh Thuý	27/05/1985				x	Kế toán
2,44	Đỗ Thị Thục	15/09/1962				x	Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,45	Đào Thị Minh Thanh	08/05/1968		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,46	Ngô Thị Thuý Quyên	16/11/1989				x	Kế toán
2,47	Hy Thị Hải Yến	01/09/1988				x	Kế toán
2,48	Hồ Thị Thu Hương	04/07/1979				x	Kế toán
2,49	Hoàng Thị Thu Hường	24/02/1985				x	Kế toán
2.50	Phạm Thị Quyên	13/12/1968				x	Kế toán
2,51	Nghiêm Thị Thà	17/01/1966		x			Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
2,52	Nguyễn Thị Thanh	05/05/1977				x	Kế toán
Tổng số giảng viên cơ hữu của ngành			2	13	0	36	

PHỤ LỤC 04

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên